TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày: 15-8-2017
V/v tranh chấp:
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Long
2. Ông Hồ Văn Sum

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Lo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 105 đường 30, Khu nâng cấp Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 113 đường 3, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 02-12-2016)- Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Đ**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 47 đường 923, ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **H**, sinh năm 1970. Địa chỉ: 256/3/4 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 15-6-2017)- Có mặt.

An evaluation version of novaPDF was used to create this PDF file.
Purchase a license to generate PDF files without this notice.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **H**, sinh năm 1970. Địa chỉ: 256/3/4 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Lê Thị T ngày 19/9/2016 và các lời khai của đại diện ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Dương Thị T trình bày:

Vào ngày 16-3-2016, do quen biết nên bà Lê Thị T có cho ông Đ vay số tiền 20.000.000đ, không có thỏa lãi suất và không có thỏa thuận thời hạn trả. Khi vay, ông Đ có viết biên nhận nợ. Đến tháng 6 năm 2016, bà T có yêu cầu ông Đ trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ hứa hẹn mà không trả. Nay bà Lê Thị T yêu cầu ông Đ trả lại số tiền 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 22-3-2017 của ông Đ và các lời khai của đại diện ủy quyền của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày:

Ông Đ không có vay tiền của bà Lê Thị T, mà ông Đ chỉ đứng ra ký tên nhận thay cho bà H vào ngày 16-3-2016 với số tiền 20.000.000đ. Bà Lê Thị T là người giao tiền trực tiếp cho bà H và từ khi mượn cho đến nay bà Lê Thị T và bà H giao dịch trả vốn, lãi với nhau. Nay ông Đ không đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị T, mà trách nhiệm trả tiền cho bà Lê Thị T là của bà H.

Theo lời khai của bà H trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày:

Trước đây bà có nhờ ông Đ đứng ra lập biên nhận vào ngày 16-3-2016 với bà Lê Thị T mượn thay cho bà số tiền 20.000.000đ. Sau đó, bà có mượn thêm của bà Lê Thị T số tiền 10.000.000đ nữa, có thỏa thuận lãi suất là 210.000đ/ ngày. Do công việc làm ăn không thuận lợi nên không đóng lãi được cho bà Lê Thị T. Sau đó, hai bên có tổng kết lại tất cả các khoản vay (bao gồm số tiền 20.000.000đ ông Đ mượn giùm) là 40.000.000đ, bà đã trả được 9.000.000đ. Bà thừa nhận là người mượn 20.000.000đ từ bà Lê Thị T, ông Đ chỉ ký biên nhận thay cho bà. Vì vậy, bà đồng ý trả nợ thay cho ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

An evaluation version of novaPDF was used to create this PDF file.
Purchase a license to generate PDF files without this notice.

Vào ngày 16-3-2016, bà Lê Thị T có cho ông Đ vay số tiền 20.000.000đ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Lê Thị T khởi kiện và có kèm theo biên nhận nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Ông Đ có nơi cư trú tại số 47 đường 923, ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về áp dụng pháp luật*:

Do các bên đương sự đã thực hiện xong hợp đồng trước ngày 01- 7-2017, nên áp dụng khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các đương sự hoặc đại diện của đương sự đều có mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên phiên tòa ngày 18-7-2017 bà H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có mặt.

[4] *Xét về yêu cầu của nguyên đơn*:

Bà Lê Thị T cho ông Đ vay số tiền 20.000.000đ, có biên nhận nợ. Theo biên nhận nợ ngày 16-3-2016, không có thể hiện thỏa thuận lãi suất và cũng không có thỏa thuận thời hạn trả. Tuy nhiên, đến tháng 6 năm 2016, bà Lê Thị T có yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ không trả.

Việc ông Đ thừa nhận có vay số tiền nêu trên của bà Lê Thị T, nhưng cho rằng vay tiền giùm bà H. Tuy nhiên, ông Đ không có chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình. Đồng thời, bà Lê Thị T cũng không thừa nhận việc ông Đ vay tiền giùm cho bà H. Tại phiên tòa, bà H – Đại diện ủy quyền của ông Đ cũng đồng ý số tiền 20.000.000đ là của ông Đ. Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị T là có cơ sở chấp nhận, theo quy định tại Điều 474 và khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

Còn việc bà H thừa nhận số tiền 20.000.000đ mà ông Đ vay của bà Lê Thị T giùm bà thì đây là vụ kiện khác. Trường hợp, khi ông Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị T thì ông Đ có quyền yêu cầu bà H trả lại cho ông số tiền tương đương với nghĩa vụ của ông đối với bà Lê Thị T.

Bà Lê Thị T được quyền yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày bà có yêu cầu ông Đ trả lại tiền nhưng ông Đ không trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện của bà Lê Thị T không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147, Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

An evaluation version of novaPDF was used to create this PDF file.
Purchase a license to generate PDF files without this notice.

việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 20.000.000đ x 5% = 1.000.000đ.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 2, Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 20.000.000đ (Hai chục triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Đ chịu 1.000.000 đồng.

Bà Lê Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 500.000đ theo biên lai số 004731 ngày 11/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

An evaluation version of novaPDF was used to create this PDF file.
Purchase a license to generate PDF files without this notice.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H.Phong Điền;
- Chi cục THA H. Phong Điền;
- Các đương sự;.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phi Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA**

Trần Thanh Long **Hồ Văn Sum** **Nguyễn Phi Long**

An evaluation version of novaPDF was used to create this PDF file.
Purchase a license to generate PDF files without this notice.

An evaluation version of novaPDF was used to create this PDF file.
Purchase a license to generate PDF files without this notice.